

ÉMILE DURKHEIM VÀ CÁC QUY TẮC CỦA PHƯƠNG PHÁP XÃ HỘI HỌC

TRẦN HỮU QUANG

TÓM TẮT

Nhân dịp quyền Các quy tắc của phương pháp xã hội học (*Les règles de la méthode sociologique*) (1894) của Émile Durkheim do Đinh Hồng Phúc dịch, vừa được xuất bản (Nxb. Tri thức, 2012). Bài này điểm lại tư tưởng phương pháp luận vốn được trình bày chủ yếu trong công trình này của nhà xã hội học Pháp - người được coi là một trong ba ông tổ của ngành xã hội học là Karl Marx, Émile Durkheim và Max Weber.

BỐI CẢNH RA ĐỜI VÀ ĐẶC TRƯNG CỦA

Émile Durkheim (1858-1917) chịu ảnh hưởng của truyền thống tư tưởng Pháp từ những tác giả như Jean-Jacques Rousseau, Saint-Simon, Auguste Comte, đồng thời chống lại truyền thống tư tưởng công lợi của Anh Quốc vốn thường các hiện tượng xã hội bằng cách nhấn mạnh đến hành động và động cơ của cá nhân (Nicholas Abercrombie *et al.*, 1988, tr. 78-79).

Theo Raymond Aron (1905-1983), vào tiền

Nếu thuật ngữ tiếng Pháp "*sociologie*" (xã

Sau đó, trong giai đoạn bản lề cuối thế kỷ

Theo Raymond Aron, mỗi bận tâm lý

Theo lời Berthelot, Durkheim đã "*vạch ra con đường đi theo lý tính thực nghiệm trong các ngành khoa học xã hội*" (J.-M. Berthelot, 1988, tr. 10). Mục tiêu của Durkheim trong quyển *Các quy tắc* là "*xác lập các quy tắc của lao động khoa học trong ngành xã hội học*", và đồng thời "*xây dựng nền tảng của tính chính pháp [légitimité] của một ngành khoa học*" mới, đó là ngành xã hội học (J.-M. Berthelot, 1988, tr. 11).

Theo Jean-Michel Berthelot, Durkheim

Công trình *Các quy tắc* xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1894 trong tạp chí *Revue philosophique* (Tạp chí triết học) tập 37 và tập 38, sau đó được in thành sách bởi nhà xuất bản Alcan ở Paris vào năm 1895. Theo Aron, công trình này đã được Durkheim nghiền ngẫm kể từ khi ông viết quyển *Về sự phân công lao động xã hội* (1893) cũng như công trình *Tự tử* mà ông hoàn tất vài năm sau đó (1897), và thực chất mục đích của quyển *Các quy tắc* là trình bày một cách có hệ thống về phương pháp mà ông tiến hành hai công trình ấy (R. Aron, 1967, tr. 362). Trong ba công trình xã hội học quan trọng nhất của mình là *Về sự phân công lao động xã hội*, *Tự tử*, và *Những hình thái sơ đẳng của đời sống*

tôn giáo, Durkheim đều khai triển theo cùng một cách thức như nhau : thoát đầu là định nghĩa hiện tượng, sau đó là phản bác những lối giải thích trước đó, và cuối cùng là đưa ra một lối giải thích xã hội học theo đúng nghĩa của từ này về hiện tượng được khảo cứu (R. Aron, 1967, tr. 362).

Quyển *Các quy tắc* bao gồm sáu chương. Chương I đưa ra định nghĩa về sự kiện xã hội. Chương II đề cập đến những quy tắc khi quan sát các sự kiện xã hội. Chương III bàn đến những quy tắc liên quan tới việc phân biệt giữa hiện tượng xã hội bình thường với hiện tượng xã hội mang tính chất bệnh lý. Chương IV bàn đến những quy tắc liên quan tới việc cấu tạo các loại hình xã hội. Chương V đề cập đến những quy tắc liên quan tới việc giải thích các sự kiện xã hội. Và chương VI đề cập đến những quy tắc liên quan tới việc xây dựng các chứng cứ.

Trong bài này, chúng tôi chỉ nêu lên một vài chủ điểm trong công trình này mà ngay sau khi ra mắt ấn bản đầu tiên đã "làm dấy lên những cuộc tranh cãi gay gắt" đến mức không để cho tác giả có cơ hội lên tiếng trả lời, theo lời của chính Durkheim trong Lời tựa của ông cho lần xuất bản thứ hai vào năm 1901⁽¹⁾.

NỖ LỰC XÁC LẬP NGÀNH XÃ HỘI HỌC VỚI TƯ CÁCH LÀ MỘT NGÀNH KHOA HỌC ĐỘC LẬP

Ngay ở những dòng đầu tiên trong phần "Dẫn nhập" của quyển *Các quy tắc*, Durkheim đã mở đầu bằng cách phê phán cách thức nghiên cứu của những nhà xã hội học tiền nhiệm vốn không lưu tâm bao nhiêu tới *phương pháp* - điều mà ông cho là hết sức quan trọng: "Cho đến nay, các

nhà xã hội học ít quan tâm đến việc làm rõ đặc trưng và định nghĩa phương pháp mà họ vận dụng để nghiên cứu các sự kiện xã hội", kể cả Herbert Spencer (1820-1903), Auguste Comte (1798-1857) hay Stuart Mill (1806-1873).

Durkheim khẳng định rằng xã hội học không phải là "*một phân ngành của môn triết học tổng quát*" (Lời tựa cho lần xuất bản thứ hai), và do vậy, ông nhận định như sau: "Thực vậy, những nhà xã hội học lớn mà chúng tôi vừa nhắc đến vẫn chưa vượt ra khỏi những ý tưởng khái quát về bản tính của các xã hội [...] Và để giải quyết các vấn đề triết học này, người ta không cần đến những thao tác phương pháp nào đặc biệt và phức tạp. [...] họ hoàn toàn không chú ý đến những sự thận trọng cần phải có khi quan sát các sự kiện, cách thức đặt ra những vấn đề chính yếu, phương hướng của các cuộc nghiên cứu, những thủ tục chuyên biệt để tiến hành những cuộc nghiên cứu này, và những quy tắc chi phối việc đi tìm các luận cứ chứng minh" (Dẫn nhập).

Chính vì thế mà Durkheim cho rằng "trên thực tế, cho tới nay, ngành xã hội học trong chừng mực nào đó không tập trung bàn đến các sự vật mà chỉ chuyên bàn đến các khái niệm" (chương 2). Cách làm xã hội học này, theo ông, vẫn chưa vượt qua được lối phân tích ý hệ (*analyse idéologique*) đang thống trị vào thời ấy trong các ngành khoa học xã hội ("*ý hệ*" ở đây không hiểu theo nghĩa mác-xít), tức là chưa vượt qua được lối phân tích xem đối tượng nghiên cứu chỉ là các ý tưởng, chỉ dựa trên lô-gic quan hệ giữa các ý tưởng, tức là lô-gic mâu thuẫn và lô-gic diễn dịch (J.-M. Berthelot, 1988, tr. 13).

Durkheim phê phán "lỗi phân tích ý hệ" trong xã hội học như sau: "Thay vì quan sát, mô tả, so sánh các sự vật, ta lại bằng lòng với việc nhận thức, phân tích và nối kết các ý niệm của mình. Thay vì [là] một khoa học về các thực tại, ta không làm gì khác ngoài việc phân tích ý hệ. Đương nhiên, h phân tích ấy không nhất thiết

hoàn toàn không dựa sự . Người ta có thể viện đến các sự kiện để khẳng định các ý niệm ấy hay các kết luận được rút ra. Nhưng , các sự kiện chỉ có một cách thứ yếu, với tính cách là những ví dụ hay những chứng cứ xác nhận, chứ chúng không phải là đối tượng của khoa học. Thứ khoa học này đi từ các ý niệm đến các sự vật, chứ không phải từ các sự vật đến các ý niệm

Durkheim nhấn mạnh rằng "mục đích của

Xã hội học của Durkheim dựa trên lý thuyết về sự kiện xã hội. Theo quan niệm của Durkheim, xã hội học là việc *ngiên cứu* các hiện tượng xã hội, và việc *giải thích* các sự kiện này dưới góc độ xã hội học. Durkheim muốn chứng minh rằng có thể có và cần phải có một ngành xã hội học mang tính chất thực sự khách quan và thực nghiệm, xứng đáng sánh vai với các ngành khoa học khác.

SỰ KIỆN XÃ HỘI

Theo trường phái thực chứng luận, điều quan trọng nhất trong nghiên cứu khoa học là nắm bắt được các "sự kiện" (*faits*) (F. des Nétumières, "Fait social", trong A. Akoun *et al.*, 1999, tr. 215-216). Đúng ba mươi năm trước khi ra đời công trình *Các quy tắc* của Durkheim, Claude Bernard (1813-1878), bác sĩ và nhà sinh lý học người Pháp, trong quyển sách nổi tiếng mang tên là *Nhập môn nghiên cứu y học thực nghiệm* (*Introduction à l'étude de la médecine expérimentale*) xuất bản năm 1865, từng nhấn mạnh rằng khoa học cần

Ông nhấn mạnh rằng phương pháp xã hội

Để xây dựng được ngành xã hội học, theo

ưu tiên chú ý trước hết đến các *sự kiện* (*faits*), rồi dựa trên đó người ta mới có thể đưa ra những lý giải. Claude Bernard đặc biệt lưu ý rằng phải hết sức cẩn thận với các từ (*mots*), bởi lẽ "các từ mà chúng ta sử dụng để diễn tả các hiện tượng, khi chúng ta chưa biết các nguyên nhân của chúng (tức của các hiện tượng), tự chúng (tức các từ) chẳng là gì cả, và một khi mà chúng ta gán cho chúng (tức các từ) một giá trị trong việc phê bình hay trong những cuộc thảo luận, thì chúng ta đã ra khỏi (lĩnh vực) kinh nghiệm và rơi vào (xu hướng) kinh viện".

Chúng ta có thể hình dung rằng chính là trong bối cảnh của trào lưu thực chứng luận ấy trong các ngành khoa học vào hậu bán thế kỷ XIX mà Durkheim đã hình thành ý tưởng về "sự kiện xã hội" trong khuôn khổ xã hội học.

Durkheim định nghĩa sự kiện xã hội (*fait social*) như sau: "Sự kiện xã hội là bất cứ phương cách hành động nào [...] có khả năng tác động lên cá nhân một sự cưỡng chế ngoại tại" (chương 1)⁽²⁾.

Gắn liền với khái niệm "sự kiện xã hội" trước hết là ý tưởng về tính khách quan (*objectivité*) (F. des Nétumières, "Fait social", trong A. Akoun *et al.*, 1999, tr. 215-216). Cái nhìn phương pháp luận của Durkheim là "xem các sự kiện xã hội là các sự vật mà bản tính của chúng không thể cứ muốn thay đổi là được" (Lời tựa cho lần xuất bản thứ nhất). Sự kiện xã hội có một sự "tồn tại riêng biệt", "độc lập với các biểu hiện cá thể của nó" (chương 1), tức là không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của các cá nhân. Chúng "tồn tại ở bên ngoài các ý thức cá nhân" (chương 1).

Đặc trưng thứ hai của các sự kiện xã hội theo Durkheim là chúng mang tính chất áp đặt hay cưỡng chế (*contrainte*) đối với cá nhân. Durkheim đưa ra nhiều thí dụ để minh họa cho ý tưởng về sự "*cưỡng chế*" của xã hội: tiếng cười rộ lên trong một cuộc họp hay trong một đám đông (do một cảm thức tập thể áp đặt lên trên các cá nhân), thời trang y phục (mỗi người buộc phải ăn mặc theo một kiểu nào đó bởi vì mọi người đều ăn mặc như vậy) (R. Aron, 1967, tr. 364). "Tôi không bị buộc phải nói tiếng Pháp với những người đồng bào, cũng không bị buộc phải sử dụng những đồng tiền hợp pháp; nhưng tôi không thể nào làm khác đi được. [...] Là nhà tư bản công nghiệp, không có gì cấm tôi làm việc với các qui trình và các phương pháp của thế kỷ trước; nhưng nếu làm điều đó, chắc chắn tôi sẽ bị phá sản" (chương 1).

Do con người chúng ta đã quá quen thuộc và đã nội tâm hóa những sự áp đặt và cưỡng chế của xã hội nên thông thường chúng ta tưởng lầm rằng đây là do chính chúng ta chứ không phải do xã hội: "Chúng ta là nạn nhân của một ảo tưởng làm chúng ta tin rằng chúng ta đã tự mình tạo ra cái đã được áp đặt lên chúng ta từ bên ngoài" (chương 1). Điều này cũng tương tự như chuyện chúng ta chẳng bao giờ cảm thấy sức nặng của không khí: "... không khí vẫn có trọng lượng cho dù chúng ta không cảm nhận được sức nặng của nó..." (chương 1). Diễn hình nhất cho quá trình cưỡng chế của xã hội là công việc giáo dục vốn mang mục tiêu là tạo dựng nên những "hữu thể xã hội" (*l'être social*): "Điều rõ ràng ràng là nền giáo dục nào cũng là một sự nỗ lực liên tục nhằm vào việc áp đặt lên trẻ em những cách

nhìn, những cách cảm nhận và những cách hành động mà trẻ em không thể tự dựng có được" (chương 1).

Theo Raymond Aron, ý tưởng của Durkheim về tính chất "cưỡng chế" của các sự kiện xã hội có thể gây ra sự hiểu lầm: thực ra, Durkheim không cho rằng sự "cưỡng chế" là bản tính của sự kiện xã hội, mà đây chỉ là một đặc trưng bên ngoài giúp chúng ta nhận diện dễ dàng hơn một sự kiện xã hội (R. Aron, 1967, tr. 365).

CẦN XEM CÁC SỰ KIỆN XÃ HỘI "NHƯ LÀ NHỮNG SỰ VẬT"

Durkheim viết ngay ở đầu chương 2 như sau: "Quy tắc đầu tiên và nền tảng nhất là xem xét các sự kiện xã hội như là những sự vật"⁽³⁾.

Do người ta thường có ảo tưởng rằng mình đã nắm, đã hiểu rõ các thực tại xã hội, nên theo Durkheim, nhà xã hội học cần phải tự thuyết phục mình ngay từ đầu rằng mình chưa hiểu gì về thực tại xã hội. Chính do vậy mà Durkheim nhấn mạnh rằng thoát tiên, nhà xã hội học cần xem các sự kiện xã hội như những "sự vật" hay "đồ vật" (*choses*), tức là những cái hiện diện sờ sờ trước mắt chúng ta và được chúng ta quan sát một cách khách quan. Chúng ta đừng lầm tưởng rằng chúng ta có thể dễ dàng hiểu các sự kiện xã hội xuất phát từ chính ý nghĩa mà chúng ta khoác lên cho chúng một cách tự phát, bởi lẽ chúng ta chỉ có thể tìm ra ý nghĩa của chúng sau khi tiến hành một công cuộc khảo sát khách quan và khoa học (R. Aron, 1967, tr. 364). Chính vì thế, Durkheim nhấn mạnh rằng "người ta ít có thói quen xử lý các sự kiện xã hội một cách khoa học" (Lời tựa cho lần xuất bản thứ nhất),

và "cần phải dứt khoát gạt bỏ tất cả các tiền niệm (*prénotions*)" (chương 2).

Theo Durkheim, "ta có thể nói rằng bất cứ đối tượng nào của khoa học cũng đều là sự vật, có lẽ ngoại trừ các đối tượng toán học" (Lời tựa cho lần xuất bản thứ hai).

Và do vậy, ông cho rằng bước đi đầu tiên của nhà xã hội học, nếu muốn thực sự tiến hành một thao tác khoa học, đó là phải xác định xem những "sự vật" mà mình khảo sát là gì: "Bất cứ cuộc khảo sát khoa học nào cũng đều nhắm đến một nhóm hiện tượng nhất định, tương ứng với cùng một định nghĩa. Bước đi đầu tiên của nhà xã hội học vì thế là phải định nghĩa các sự vật mà ông ta bàn đến, để cho mọi người cũng như chính ông ta biết rõ vấn đề gì.

"Sự vật" ở đây phải là những sự vật khả

Vì chính
thông qua cảm giác mà chúng ta mới
được cái bề ngoài của các sự vật,
nên chúng ta có thể nói vắn gọn rằng : để
được khách quan, khoa học phải bắt đầu
từ cảm giác, chứ không phải từ các khái
niệm được hình thành độc lập với cảm
giác. Nó phải trực tiếp các dữ kiện khả
giác để đưa chúng vào các định nghĩa ban
đầu của mình

Mệnh đề "xem xét các sự kiện xã hội như

Durkheim viết rõ như sau: "Thật vậy, chúng tôi không nói rằng các sự kiện xã hội là những sự vật vật chất, mà những sự xét cùng bình diện như những sự vật vật chất, mặc dù theo một cách khác

Như vậy, việc xem các sự kiện xã hội như

xem xét các sự kiện thuộc một loại nhất định như là những sự vật không có nghĩa là sắp xếp chúng vào phạm trù này hay phạm trù nọ thực tại, mà có nghĩa là có một tinh thần (attitude mentale) nhất định đối với chúng

Thái độ khoa học này là điều kiện không thể thiếu vì nhờ đó nhà xã hội học mới có thể đi đến những khám phá khoa học. Nguyên tắc của Durkheim "đòi hỏi nhà xã hội học phải đặt mình vào trạng thái tinh thần của các nhà vật lý học, hóa học, sinh lý học khi những người này lao mình vào một miền đất hầy còn chưa được khai phá trong lĩnh vực khoa học của mình. Khi thâm nhập vào thế giới xã hội, nhà xã hội học cần phải ý thức rằng mình đang thâm nhập vào một thế giới chưa được biết đến (inconnu)

Tuy nhiên, liên quan tới khái niệm "sự vật vật" (*chose*) của Durkheim, để tránh lẫn lộn hoặc ngộ nhận, chúng ta cần phân biệt

cách hiểu sau đây : nếu hiểu "sự vật" là một thực tại mà người ta có thể và phải quan sát từ bên ngoài và người ta chưa thể nắm bắt được ngay bản tính của nó thì Durkheim hoàn toàn có lý khi ông nói rằng cần khảo sát các sự kiện xã hội như những sự vật. Ngược lại, nếu từ "sự vật" hàm ý rằng các sự kiện xã hội có thể được giải thích bằng cách thức không khác gì so với việc giải thích các sự kiện tự nhiên, hoặc là ngành xã hội học phải loại bỏ mọi lối lý giải dựa trên ý nghĩa mà con người gán cho các sự kiện xã hội, thì có thể thấy Durkheim đã sai lầm. Thực ra, theo Aron, Durkheim không đi theo cách hiểu thứ hai vừa nêu, bởi lẽ trong toàn bộ các công trình của mình, Durkheim đã luôn luôn tìm cách nắm bắt được ý nghĩa mà các cá nhân hay các nhóm xã hội gán cho cách sống của họ, niềm tin của họ, hay các nghi thức của họ. Theo Durkheim, chúng ta không thể nào nắm bắt được dễ dàng ý nghĩa thực thụ của các sự kiện xã hội nếu chúng ta không nỗ lực đi tìm để khám phá ra nó (R. Aron, 1967, tr. 365).

Theo nhận định của Jean-Michel Berthelot, thông qua việc định nghĩa khái niệm sự kiện xã hội và xem sự kiện xã hội như sự vật, Durkheim đã xác lập tính chính pháp (*légitimité*) của bộ môn xã hội học bằng cách khẳng định tính ngoại thể (*extériorité*) và tính độc lập (*autonomie*) của đối tượng nghiên cứu, và từ đó, đi đến một phương thức khảo sát đặc trưng phù hợp với yêu cầu phương pháp luận này (J.-M. Berthelot, 1988, tr. 15).

Berthelot tóm tắt rằng "*lối lập luận thực nghiệm*" của Durkheim luôn luôn đi theo diễn trình như sau : định nghĩa, xếp loại, giải thích, chứng minh (*définir, classer,*

expliquer, prouver) (J.-M. Berthelot, 1988, tr. 21). Trên đây, chúng tôi đã đề cập tới phần "định nghĩa" của Durkheim đối với các sự kiện xã hội. Sau đây, chúng tôi sẽ bàn thêm về yêu cầu "giải thích" các sự kiện xã hội theo Durkheim.

GIẢI THÍCH CÁC SỰ KIỆN XÃ HỘI

Theo Durkheim, giải thích một sự kiện xã hội là đi tìm *nguyên nhân* của nó, và sau đó đi tìm *chức năng* của nó trong xã hội.

Ông viết: "Nguyên nhân quyết định của một sự kiện xã hội phải được tìm trong các sự kiện xã hội trước đó, chứ không phải trong các trạng thái ý thức cá nhân" (chương 5), bởi lẽ đối với các sự kiện xã hội, "không có lý do nào để người ta đi tìm ở bên ngoài chúng những lý do tồn tại của chúng" (Lời tựa cho lần xuất bản thứ nhất). Ông nhấn mạnh: "Nguồn gốc đầu tiên của bất cứ tiến trình xã hội có tầm quan trọng nào đó phải được tìm trong sự cấu tạo của môi trường xã hội nội tại" (chương 5).

Durkheim xác định rằng "xã hội" có một bản tính hoàn toàn khác biệt so với các cá nhân, bởi lẽ "xã hội không phải là một sự tổng cộng đơn giản của các cá nhân", mà là "cái hệ thống, cấu thành bởi sự kết hợp của các cá nhân, biểu hiện một thực tại đặc thù có các tính chất riêng của nó" (chương 5).

Ông đã đưa ra thí dụ so sánh hiện tượng sinh học với hiện tượng vô cơ để giải nghĩa sự khác biệt giữa bình diện xã hội với bình diện cá nhân: "... người ta sẽ nói rằng, vì các yếu tố tạo thành xã hội chỉ là các cá nhân, nên nguồn gốc tiên khởi của các hiện tượng xã hội học chỉ có thể là các hiện tượng tâm lý học. Nếu lập luận như vậy thì người ta cũng có thể hoàn toàn dễ

dàng khẳng định rằng các hiện tượng sinh học có thể được giải thích bởi các hiện tượng vô cơ trên bình diện phân tích. Thực vậy, quả là trong tế bào sống chỉ có các phân tử nguyên chất. Chỉ có điều, các phân tử này kết hợp với nhau ở trong đó, và chính sự kết hợp này là nguyên nhân của các hiện tượng mới đặc trưng cho sự sống và ta không thể nào nhận thấy mầm mống của nó trong bất cứ các yếu tố kết hợp nào. Chính vì cái toàn bộ không đồng nhất với tổng số các bộ phận của nó, nên nó là cái gì khác và các thuộc tính của nó cũng khác với các thuộc tính mà các bộ phận cấu thành nó" (chương 5).

Đối với Durkheim, để có thể giải thích được một sự kiện xã hội, chúng ta vừa phải tìm ra nguyên nhân lẫn tìm ra chức năng của sự kiện này. Ông phản bác tất cả những lối giải thích mang tính chất cứu cánh luận (*finaliste*) và nhấn mạnh lối giả thuyết nhân quả dựa trên những "nguyên nhân có hiệu lực" (J.-M. Berthelot, 1988, tr. 34): "Khi ta tiến hành giải thích một hiện tượng xã hội, thì ta phải đi tìm một cách riêng rẽ nguyên nhân có hiệu lực (*cause efficiente*) dẫn đến hiện tượng ấy và chức năng mà nó đảm nhiệm. Sở dĩ chúng tôi chọn dùng chữ "chức năng" (*fonction*) hơn là chữ 'cứu cánh' [*fin*] hay 'mục đích' [*but*], chính là vì các hiện tượng xã hội nhìn chung không xảy ra nhằm đạt được những kết quả hữu ích mà chúng tạo ra. Điều mà chúng ta cần phải xác định là có hay không sự tương ứng giữa sự kiện được xem xét với những nhu cầu chung của cơ thể xã hội và sự tương ứng ấy (thể hiện) ở chỗ nào, chứ chúng ta không cần phải bận tâm xem sự kiện này có ý định gì hay không. Và lại, tất cả mọi vấn đề liên quan đến ý

định đều quá chủ quan để có thể được xem xét một cách khoa học" (chương 5).

Raymond Aron cho rằng điểm mấu chốt trong tư tưởng xã hội học của Durkheim là như sau : xã hội là một thực tại khác về bản tính so với các thực tại cá nhân ; bất cứ một sự kiện xã hội nào cũng đều có nguyên nhân là một sự kiện xã hội khác, chứ không bao giờ xuất phát từ nguyên nhân tâm lý cá nhân (R. Aron, 1967, tr. 371).

Durkheim khẳng định rằng "bất cứ khi nào mà một hiện tượng xã hội được cắt nghĩa trực tiếp bằng một hiện tượng tâm lý, ta có thể đoán chắc rằng sự cắt nghĩa ấy là sai lầm" (chương 5). Giải thích các sự kiện xã hội bằng yếu tố tâm lý học là không hiểu gì về tính chất "xã hội" của các sự kiện này: "Một lối giải thích thuần túy tâm lý học về các sự kiện xã hội, vì thế, không thể không để vuột mất tất cả tính chất đặc thù của chúng, tức là cái [tính chất] xã hội (của chúng)" (chương 5).

Theo Durkheim, cái xã hội khác với cái cá nhân, cũng giống như xã hội học khác với tâm lý học: "Cả nhóm suy nghĩ, cảm nhận, hành động hoàn toàn khác với các thành viên của nó nếu các thành viên ấy sống tách rời nhau. Cho nên, nếu xuất phát từ các thành viên thì người ta sẽ không thể nào hiểu được cái gì đang diễn ra trong nhóm. Nói ngắn gọn, giữa môn tâm lý học và môn xã hội học có sự gián đoạn của sự kế tục (solution de continuité), cũng tương tự như giữa môn sinh học và các môn khoa học lý-hóa" (chương 5).

Raymond Aron diễn giải tư tưởng nhân quả trong xã hội học của Durkheim như sau: "Phần nào đó, tính quan hệ nhân quả có hiệu lực (cause efficiente) của môi

trường xã hội đối với Durkheim chính là điều kiện tồn tại của ngành xã hội học khoa học. (Xã hội học) là môn khảo sát các sự kiện từ bên ngoài, định nghĩa một cách nghiêm cẩn những khái niệm mà nhờ đó chúng ta mới có thể phân biệt được những phạm trù hiện tượng khác nhau, xếp loại các xã hội theo chi (genres) và theo loài (espèces), và cuối cùng, trong lòng một xã hội nhất định, giải thích một sự kiện cá biệt bằng môi trường xã hội" (R. Aron, 1967, tr. 370).

Bên cạnh yêu cầu đi tìm nguyên nhân của sự kiện xã hội, Durkheim còn nhấn mạnh tới yêu cầu tìm ra chức năng của sự kiện xã hội "*để có thể giải thích đầy đủ về hiện tượng*" (chương 5). Thực ra, chức năng theo Durkheim cũng không là gì khác hơn mối liên hệ qua lại giữa nhân và quả. Đoạn sau đây cho thấy tư tưởng sâu sắc của Durkheim về mối quan hệ tác động qua lại giữa nhân và quả: "Thực vậy, mỗi liên hệ liên đới gắn nguyên nhân với kết quả mang một tính chất tương hỗ (réciprocité) mà người ta chưa nhận thức đầy đủ. Chắc chắn là, kết quả không thể tồn tại nếu không có nguyên nhân, nhưng đến lượt nó, cái nguyên nhân này lại cần có kết quả của mình. Chính từ nguyên nhân mà kết quả có được năng lượng (énergie) của mình, nhưng kết quả cũng đáp trả lại năng lượng cho nguyên nhân khi có dịp, và do đó nó không thể biến mất mà không gây tác động trở lại nguyên nhân. Chẳng hạn, sự phản ứng của xã hội vốn tạo nên 'hình phạt' phụ thuộc vào cường độ của các cảm thức tập thể (sentiments collectifs) mà hành vi phạm tội xúc phạm; nhưng mặt khác, sự phản ứng ấy có chức năng hữu ích là duy trì những cảm thức này ở cùng một mức

cường độ, bởi lẽ chúng sẽ nhanh chóng sôi trào lên nếu những hành vi xúc phạm (offenses) mà chúng gánh chịu không bị trừng phạt" (chương V).

Giống như thế giới sinh vật tự nhiên vốn chịu sự chi phối của nguyên tắc cân bằng nội tại, nguyên tắc hài hòa giữa các bộ phận và các cơ thể sống, xã hội con người cũng phải được giải thích bằng cách xem xét vai trò của các chức năng trong lòng hệ thống xã hội, bởi lẽ "không có hệ thống thì không có chức năng", theo lời Berthelot. Berthelot cho rằng chính việc giải thích nguyên tắc nhân quả theo hướng chức năng này là tư tưởng chủ đạo trong cách giải thích của Durkheim về các hiện tượng xã hội (J.-M. Berthelot, 1988, tr. 35-36).

Thay vì áp dụng phương pháp thí nghiệm trực tiếp như trong các ngành khoa học tự nhiên, Durkheim cho rằng có thể sử dụng phương pháp so sánh như một phương pháp thí nghiệm gián tiếp để có thể tìm ra mối liên hệ nhân quả giữa các hiện tượng xã hội: "Chúng ta chỉ có một cách để chứng minh rằng hiện tượng này là nguyên nhân của một hiện tượng khác, đó là so sánh những trường hợp mà chúng đồng thời có mặt hay vắng mặt và tìm xem những sự biến đổi của chúng trong những hoàn cảnh khác nhau có chứng tỏ rằng cái này phụ thuộc vào cái kia không. Khi các hiện tượng được tạo ra một cách nhân tạo theo ý muốn của người quan sát, thì phương pháp này là phương pháp thí nghiệm đích thực. Trái lại, khi các sự kiện xảy ra không phụ thuộc vào sự sắp đặt của chúng ta và chúng ta chỉ có thể đối chiếu chúng với nhau như trong bối cảnh mà chúng đã xảy ra một cách tự phát, thì phương pháp mà người ta sử dụng lúc này

là phương pháp thí nghiệm gián tiếp hay phương pháp so sánh" (chương VI).

Điểm sáng giá của quyển *Các quy tắc*, theo đánh giá của Jean-Michel Berthelot, là "xác lập một nguyên tắc không thể bỏ qua của tính khoa học và đồng thời đề xướng một phương thức mấu chốt để thực hiện nguyên tắc này" (J.-M. Berthelot, 1988, tr. 9).

Tuy nhiên, cũng đáng lưu ý là khái niệm "sự kiện xã hội" về sau này được Durkheim chuyển vào bên trong con người, chứ không còn chỉ hiểu theo nghĩa là nằm bên ngoài cá nhân. Trong công trình *Xã hội học và triết học*, Durkheim cho rằng xã hội là "cái ở bên trên chúng ta và cái ở bên trong chính chúng ta" (L. Coser, 1977, tr. 129).

Dù vậy, theo Raymond Boudon và François Bourricaud, một trong những điểm khác biệt lớn giữa Durkheim với Marx, Tocqueville và Weber là Durkheim dường như luôn luôn tránh né và khước từ việc coi cá nhân như một "chủ thể hành động" (*sujet agissant*) (R. Boudon et al., 1986, tr. 204).

Vấn đề quán xuyến toàn bộ sự nghiệp nghiên cứu của Durkheim là đi tìm những nguồn gốc của trật tự xã hội và của sự rối loạn xã hội. Chẳng hạn trong việc nghiên cứu về hiện tượng tự tử, ông cho rằng đây là một hiện tượng "bình thường" vì nó xảy ra trong bất cứ xã hội nào với một tỷ lệ nhất định nào đó; tuy nhiên, khi ở một xã hội hay một nhóm xã hội nào đó xuất hiện một tỷ lệ tự tử cao hơn một cách "bất thường" thì đây chính là dấu hiệu của một sự rối loạn xã hội. Theo Lewis Coser, mặc dù lo âu về những hiện tượng đổ vỡ trật tự xã hội, nhưng Durkheim cũng ý thức rằng nếu xã hội kiểm soát cá nhân một cách toàn diện và thái quá thì điều này cũng gây

hại cho con người không kém gì tình trạng phi chuẩn (*anomie*) (L. Coser, 1977, tr. 133-135).

Mặc dù Durkheim thường bị coi là một người bảo thủ về lập trường chính trị cũng như trong quan điểm xã hội học, nhưng vào thời của ông, ông được xem là một người có tư tưởng tự do cấp tiến, đặc biệt là khi ông bênh vực cho Alfred Dreyfus, một sĩ quan người Pháp gốc Do Thái bị tòa án quân sự Pháp kết án oan ức tội phản bội quốc gia. Ông cho rằng vụ án này thực chất phản ánh óc bài Do Thái trong xã hội Pháp, khi mà người ta cố tìm cách tìm ra một thủ phạm để đổ tội gây ra tình trạng xáo trộn và khó khăn của nền kinh tế và xã hội Pháp lúc bấy giờ (G. Ritzer, 2000, tr. 18-19).

Theo George Ritzer, sự nghiệp của Durkheim có một tầm vóc ảnh hưởng sâu xa không chỉ đối với ngành xã hội học mà cả đối với nhiều ngành khoa học xã hội khác, đặc biệt thông qua tạp chí *L'Année sociologique* mà ông sáng lập vào năm 1898. Nhóm trí thức quy tụ xung quanh tạp chí này đã tạo ra những tác động quan trọng đối với những ngành như nhân học, sử học, ngôn ngữ học, và kể cả tâm lý học vốn là ngành mà Durkheim công kích nhiều trong những công trình đầu đời của ông (G. Ritzer, 2000, tr. 19). Ảnh hưởng của Durkheim đối với nền xã hội học Mỹ diễn ra chậm hơn, mãi hai mươi năm sau khi ông qua đời, khi xuất hiện quyển *The Structure of Social Action* vào năm 1937 của Talcott Parsons (G. Ritzer, 2000, tr. 19). Còn ở Đức thì Durkheim chỉ được đến chủ yếu sau cuộc chiến tranh thế

giới lần thứ hai (K.-H. Hillmann, 1994, tr. 165).

Công trình *Các quy tắc của phương pháp xã hội học* của Durkheim đã đánh dấu việc mở ra một thời kỳ mới hết sức quan trọng trong ngành xã hội học, như chính ông nhận định: "Xét tới cùng, sự cải cách mà chúng ta cần đưa vào trong ngành xã hội học giống y hệt về mọi mặt như sự cải cách vốn đã làm biến đổi ngành tâm lý học trong ba mươi năm gần đây" (chương 2).

Theo Berthelot, cuộc "cải cách" của Durkheim chính là một bước ngoặt, hay là một sự "đoạn tuyệt nhận thức luận" (*rupture épistémologique*) nếu muốn nói như nhà triết học khoa học Pháp Gaston Bachelard (1884-1962). Thực vậy, việc du nhập phương pháp thực nghiệm của Durkheim đã xác lập "xu hướng duy lý thực nghiệm" (*rationalisme expérimental*) trong ngành xã hội học (J.-M. Berthelot, 1988, tr. 17). □

CHÚ THÍCH

(1) "*Cuộc tranh cãi*" này còn kéo dài nhiều thập niên sau đó, chẳng hạn vào năm 1946, xuất hiện một quyển sách mang tựa đề là *Các sự kiện xã hội không phải là những đồ vật* (*Les faits sociaux ne sont pas des choses*) của Jules Monnerot nhằm phản bác lại luận điểm của Durkheim.

(2) "Est fait social toute manière de faire, fixée ou non, susceptible d'exercer sur l'individu une contrainte extérieure; ou bien encore, qui est générale dans l'étendue d'une société donnée tout en ayant une existence propre, indépendante de ses manifestations individuelles".

(3) "La première règle et la plus fondamentale est de considérer les faits sociaux comme des choses".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abercrombie, Nicholas, Stephen Hill, Bryan S. Turner. 1988. *The Penguin Dictionary of Sociology*. London: Penguin Books.
2. Akoun, André, Pierre Ansart (Dir.). 1999. *Dictionnaire de sociologie*. Paris: Le Robert. Seuil.
3. Aron, Raymond. 1967. *Les étapes de la pensée sociologique*. Paris: Gallimard.
4. Berthelot, Jean-Michel. 1988. "Les règles de la méthode sociologique ou l'instauration du " in Émile Durkheim. *Les règles de la méthode sociologique*. Paris: Flammarion.
5. Boudon, Raymond, François Bourricaud. 1986. *Dictionnaire critique de la sociologie*. Paris: Presses Universitaires de France.
6. Coser, Lewis A. 1977. *Masters of Sociological Thought. Ideas in Historical and Social Context*. 2nd edition. New York: Harcourt Brace Jovanovich. Inc.
7. Durkheim, Émile. 1988. *Les règles de la méthode sociologique*. Paris: Flammarion.
8. Durkheim, Émile. 2012. *Các quy tắc của phương pháp xã hội học*. Đinh Hồng Phúc dịch. Hà Nội: Tủ sách Tinh Hoa, Nxb. Tri thức.
9. Hillmann, Karl-Heinz. 1994. *Wörterbuch der Soziologie*. Stuttgart: Alfred Kröner Verlag.
10. Ritzer, George. 2000. *Modern Sociological Theory*. 5th edition, New York: McGraw Hill Higher Education.